TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 478/2023/DS-PT
Ngày: 30-8-2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Trần Thị Kim Em.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 720/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Nguyễn Bá L, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: đường T, khu phố B, phường N, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị Huyền T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Nguyễn Bá L trình bày:

Vào ngày 25/3/2020, bà T có vay của ông số tiền 100.000.000 đồng, thời gian vay là 03 tháng kể từ ngày 25/3/2020, lãi suất thỏa thuận là 0,03%/40 ngày. Bà T đã nhận đủ số tiền trên nhưng kể từ ngày vay đến nay đã quá hạn (25/6/2020) bà T không trả tiền gốc cũng như lãi cho ông, ông nhiều lần liên hệ nhưng bà T không

có thiện chí trả nợ. Nay ông yêu cầu bà T trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng và lãi là 2.456.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T xin vắng mặt không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá L.

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T có nghĩa vụ trả cho ông L tổng cộng 100.765.000 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04/7/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận việc bà đã trả toàn bộ số tiền cả gốc và lãi cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất bà T có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền 28.500.000 đồng, thời gian 03 tháng khi án có hiệu lực pháp luật. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Nguyễn Thị Huyền T thực hiện quyền kháng cáo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là chính xác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các tranh chấp được Bộ luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huyền T.

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất bà T có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền 28.500.000 đồng, thời gian 03 tháng khi án có hiệu lực pháp luật. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DSST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã G.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huyền T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Huyền T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Bá L số tiền 28.500.000 đồng. Thời gian thực hiện 03 tháng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi

suất phát sinh chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0027487 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T phải chịu 1.425.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.561.400 đồng theo biên lai thu số 0007163 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ánh Phương